

Bản án số: 285/2025/HC -PT

Ngày: 20 - 3 - 2025

V/v “*Khiếu kiện Quyết định
xử phạt vi phạm hành chính*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán nhân dân: 1. Ông Phan Văn Yên

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 178/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do bản án Hành chính sơ thẩm số: 130/2023/HC –ST ngày 11 -8 -2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (có mặt ngày 13/3/2025, xin vắng mặt ngày tuyên án 20/3/2025)

Địa chỉ: Số A, đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân thành phố P. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Minh C có diện tích đất 462,1m² tọa lạc tại ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Đ vào tháng 03/2022.

Nguồn gốc thửa đất do cụ Nguyễn Kim H2 khai khẩn sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ năm 1985. Sau đó cụ H2 cho lại vợ chồng con trai là Tô Bá L sử dụng. Năm 2021 vợ chồng ông L chuyển nhượng cho ông Trần Đình Đ. Ông Đ cắt một phần chuyển nhượng cho ông C. Sau khi chuyển nhượng ông C đã xây tường rào và cất một căn nhà trên đất.

Ngày 06/10/2022 Công chức địa chính xã C tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông C do có hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích 462,1m² tại ấp B, xã C, thành phố P.

Ngày 04/11/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 5606/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C. Phạt tiền 15.000.000 đồng. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đã chiếm cho Trung tâm nước sạch và vệ

sinh môi trường nông thôn tỉnh K quản lý. Đồng thời buộc nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp có được do hành vi chiếm đất với số tiền là 732.499 đồng.

Ông C không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P vì những lý do sau:

Khi lập Biên bản vi phạm hành chính Công chức địa chính xã C xác định diện tích đất ông C chiếm là đất nông nghiệp, nhưng khi xử phạt thì lại xác định đất phi nông nghiệp, là đất thủy lợi. Hai văn bản này có nội dung khác nhau vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 58 và khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính Công chức địa chính xã C không giao cho ông C một bản nên ông C không thực hiện được quyền giải trình.

Diện tích đất ông C sử dụng không phải là đất phi nông nghiệp mà là đất nông nghiệp có nguồn gốc sử dụng rõ ràng, không thuộc trường hợp bị xử phạt.

Ông C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh C.

Trong quá trình giải quyết kiện tại văn bản số 188/UBND-NCPC ngày 14/02/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn kiện của ông Nguyễn Minh C như sau:

Ngày 06/10/2022 Công chức địa chính xã C tiến hành đo đạc, kiểm tra thửa đất do ông Nguyễn Minh C chiếm diện tích 462,1m² tại ấp B, xã C, thành phố P. Diện tích đất này nằm trong diện tích đất do Ủy ban nhân dân tỉnh K thu hồi tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/06/2002 và giao cho Ban Q để xây dựng công trình hồ C tại xã C, nay là Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 09/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Việc sử dụng đất của ông C là không hợp pháp vì vậy Công chức địa chính xã C đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 203/BB-VPHC ngày 06/10/2022 và Biên bản xác minh tình tiết số 213/BB-XM ngày 24/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã C kết luận ông Nguyễn Minh C thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp (đất thủy lợi) tại khu vực nông thôn, với diện tích 462,1m². Trên diện tích đất vi phạm ông C cất 1 căn nhà bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường xây gạch, mái lợp ngói với diện tích 184,3m² và xây dựng tường rào quanh thửa đất. Vi phạm quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-

CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính được lập tại thời điểm có mặt ông C, nhưng ông C không ký biên bản và không đồng ý nhận biên bản nên Công chức địa chính đã thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 38, 57, 66, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; về nội dung phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K có ý kiến đối với đơn kiện của ông C như sau:

Về nguồn gốc diện tích đất của ông C như nội dung Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nêu ở phần trên, thuộc diện tích Bãi vật liệu xây dựng E.

Quá trình quản lý, vận hành hồ chứa nước Dương Đông việc quản lý đất đai không được chặt chẽ để nhiều hộ dân vào chiếm, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà cửa... kéo dài từ năm 2003 cho đến nay. Sự việc này Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K đã nhiều lần báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh K, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K, Ủy ban nhân dân thành phố P, nhưng đến nay chưa được giải quyết dứt điểm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện người khởi kiện, đại diện người bị kiện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh B trình bày: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K được giao quản lý diện tích đất theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Hồ chứa nước Dương Đông đã được xây dựng xong từ năm 2003. Phần đất ông C bị xử phạt nằm trong Quyết định nêu trên, thuộc Bãi chứa vật liệu E. Từ ngày xây dựng xong hồ chứa nước thì các Bãi chứa vật liệu không còn sử dụng. Tuy nhiên đất này đã được Nhà nước thu hồi và đền bù xong nên thuộc quyền quản lý của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K. Ông B xác định diện tích đất Bãi vật liệu E theo Tờ trích đo địa chính năm 2017 diện tích 51.805m² hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Căn cứ Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C.

- Hủy Quyết định số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh C.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật

Án phí:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh C 300.000 đồng tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu tiền số 0004141 ngày 09/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 Chủ tịch UBND thành phố P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện (bl 162).

Đại diện ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành văn bản số: 1322/UBND – NCPC ngày 05/7/2024 nêu ý kiến của Chủ tịch đối với nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Qua kiểm tra thì thời điểm năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện P không có ra Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với

hộ bà Nguyễn Kim H2, nhưng có lập bản chiết tính về diện tích đất, tài sản trên đất bị thiệt hại và có chi tiền bồi thường cho bà H2 tổng cộng 75.354.000 đồng. Diện tích đất này đã được bồi thường nên việc bà H2 cho con là ông Tô Bá L, sau đó ông L chuyển nhượng cho ông C là không đúng pháp luật. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C là phù hợp theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Ông H1 có cung cấp cho Tòa án danh sách chi trả tiền bồi hoàn, biên bản kiểm đếm, bản chiết tính liên quan đến diện tích đất của bà Nguyễn Kim H2 tại khu vực quy hoạch hồ nước D.

Ông Nguyễn Văn H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của người bị kiện thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện nằm trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí, về hình thức hợp lệ.

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự.

Người đại diện của người bị kiện (đồng thời có kháng cáo) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt đương sự theo Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, đương sự trong vụ án và thẩm quyền xét xử sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện, đương sự trong vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P:

[2.1] Về hình thức: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 đối với ông Nguyễn Minh C là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 58, khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính, điểm 4 khoản 1 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ –CP ngày 06/1/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

[2.1.1] Về trình tự thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính:

Ngày 06/10/2022 Công chức địa chính xã C lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh C.

Biên bản ghi: Ngày 06/10/2022 phát hiện ông Nguyễn Minh C chiếm đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn diện tích 462,1m² tại ấp B, xã C, thành phố P. Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Xác định người bị thiệt hại là Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh K.

Ngày 19/10/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ủy quyền cho ông Đoàn Thanh T1 là Công chức địa chính xây dựng Ủy ban nhân dân xã C xác minh làm rõ diện tích đất ông Nguyễn Minh C chiếm thuộc đất nông nghiệp hay đất phi nông nghiệp.

Ngày 24/10/2022 ông Đoàn Thanh T1 đã gặp ông Nguyễn Văn H3 là Phó Trưởng ban N để thu thập thông tin và xác định lại loại đất ông C bị lập Biên bản vi phạm hành chính là đất phi nông nghiệp (đất thủy lợi).

Theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính khi xem xét ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- “a) Có hay không có vi phạm hành chính;
- b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này;
- e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.”

Xác định loại đất không phải là tình tiết vụ việc, mà là căn cứ để áp dụng điều luật khi xử phạt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 tại Điều 4 đã nêu: “4. Cơ quan xác định loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; là Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp thửa đất có cả đối tượng thuộc thẩm quyền xác định loại đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan xác định loại đất là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

[2.1.2] Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ủy quyền cho Công chức địa chính xác minh nội dung không được quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính. Người nhận ủy quyền lại xuống địa chỉ khu đất gặp Phó Trưởng ban N để xác định loại đất là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P sử dụng Biên bản xác minh được thực hiện không đúng quy định để xác định lại loại đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp làm căn cứ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh C là không phù hợp theo quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.2] Về nội dung của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Nguồn gốc diện tích đất này do gia đình bà Nguyễn Kim H2 khai khẩn năm 1985, sử dụng sản xuất nông nghiệp, trồng tiêu, hoa màu, làm trang trại, sử dụng liên tục ổn định. Bà Kim H2 cho lại vợ chồng con trai là ông Tô Bá L, Nguyễn Thị V tiếp tục quản lý sử dụng, được chính quyền địa phương xác nhận biết và không tranh chấp với ai. Tổng diện tích đất của vợ chồng ông L có hai phần, gồm: 01 phần có diện tích 2.637 m², được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận vào ngày 27/3/2013; 01 phần có diện tích khoảng 20.000 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2021 ông L, bà V chuyển nhượng cho các ông Phạm Văn H4 Nguyễn Tiến T2 và ông Trần Đình Đ toàn bộ diện tích đất. Ngày 14/3/2022 thì ông Nguyễn Minh C phân đất 460 m², ông C xây dựng nhà ở và bị UBND Phú Quốc xử phạt hành chính.

Công văn số: 114/TTN – QLCLTT ngày 01/3/2023 của Trung tâm N xác nhận: “ Quá trình quản lý, vận hành hồ chứa nước Đông Dương việc quản lý đất đai không được chặt chẽ để nhiều hộ dân vào bao chiếm, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà cửa ... kéo dài từ năm 2003 cho đến nay”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xác định diện tích đất của ông Nguyễn Minh C bị xử phạt nằm trong Quyết định thu hồi đất và giao đất số 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Theo nội dung Quyết định này thì trong tổng diện tích 942.725m² Ủy ban nhân dân tỉnh K giao cho Ban Q để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước D có 412.633,05m² do 110 hộ dân đang sử dụng để làm nhà ở và sản xuất nông, lâm nghiệp, 110 hộ dân này được đền bù theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định thu hồi đất đối với từng hộ dân sử dụng đất trong khu quy hoạch.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu của người đại diện cho ông Nguyễn Minh C ra Quyết định số 133/2023/QĐ-TA ngày 05/5/2023 yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P cung cấp Quyết định thu hồi đất liên quan đến diện tích đất của ông C

đang sử dụng. Nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm Ủy ban nhân dân thành phố P không cung cấp cho Tòa án Quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Kim H2.

Tại tòa phúc thẩm người khởi kiện cung cấp quyết định số: 874/QĐ – UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc thu hồi đất có diện tích 352.431,0 m² tại xã C, thành phố P do Ban Q quản lý để xây dựng công trình hồ nước Đ theo Quyết định số: 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Như vậy, trong trường hợp diện tích đất này chưa được Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện thủ tục thu hồi thì vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Kim H2 từ trước ngày 01/7/2004. Phía người bị kiện có cung cấp cho Tòa án các văn bản thể hiện việc bà H2 đã nhận tiền bồi hoàn đối với diện tích đất 9.655,4m² nhưng không có Quyết định thu hồi, Biên bản bàn giao hoặc Biên bản cưỡng chế thu hồi đất để chứng minh việc bà H2 không còn là người quản lý sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bản án sơ thẩm có căn cứ pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng, được chuyển từ tạm ứng án phí thành án phí.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241, Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C.

- Hủy Quyết định số 5606/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Minh C.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ và phúc thẩm

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh C 300.000 đồng tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu tiền số 0004141 ngày 09/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số: 0003323 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. (đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA (LMA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn